TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03–10–2017.
V/v tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hậu.

2. Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29 tháng 9 và các ngày 02, 03 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp "*ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá Tr, sinh năm 1981. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Hồng V, sinh năm 1985. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Trần Như V; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T (Văn bản ủy quyền đề ngày 21/3/2017). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 01A Trần Ph, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Võ Hải Đ, sinh năm 1981. Có mặt.

3/ Chị Tô Kim Ng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 70 Bắc K, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

4/ Ông Trần Quốc B, sinh năm 1970. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 44 Mai Hắc Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

5/ Chị Huỳnh Thị Thu G, sinh năm 1987. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, khu An H, thị trấn Ngô M, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

6/ Anh Võ Hải V, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Số 126 Bắc K, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

7/ Chị Nguyễn Thị Thùy Tr. Có mặt.

Địa chỉ: Số 126 Bắc K, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

8/ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: 36 Mai Hắc Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

9/ Anh Lê Sĩ T. Có mặt.

Địa chỉ: Số 36 Mai Hắc Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

10/ Anh Lê Văn Ng, sinh năm 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 89 Đống Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- *Người làm chứng*:

1/ Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 240/24 U R, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2/ Chị Quách Thị Tr, sinh năm 1971. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 156 Trần Ph, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

3/ Bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Bá L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Chánh D, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phan Thị Hồng V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định vào ngày 06/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau về tài chính. Tháng 9/2016, vợ chồng tôi chuyển lên Kon T sinh sống được một thời gian thì tiếp tục mâu thuẫn. Tháng 02/2017, chị V bỏ về quê tại thôn Tùng Ch, xã Cát H, huyện Cát T, tỉnh Bình Định sống cùng cha mẹ đẻ cho đến nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm với chị Vân, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Gồm có:

- 01 căn nhà cấp 4 tại 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 524085, ngày 29/11/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp mang tên Nguyễn Bá Tr và Phan Thị Hồng V. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

- Đối với các tài sản và nợ chị V yêu cầu phản tố:

Về tài sản:

1/ 01 xe mô tô Excier, biển số 82B1-302.09 đứng tên anh Võ Hải Đ: Chiếc xe này không phải là tài sản chung của vợ chồng tôi, vì chúng tôi không mua xe của anh Võ Hải Đă mà là do chỗ thân quen (em trai Đ là chồng em gái tôi) nên anh Đ đã cho vợ chồng tôi mượn từ tháng 6/2015. Nay vợ chồng tôi ly hôn, tôi đã chủ động trả xe cho anh Đ.

2/ 2,2 cây vàng, gồm lắc tay, kiềng cổ và nhẫn (loại vàng 9T8): Thực tế, trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có số vàng là 3,2 cây chứ không phải 2,2 cây như chị V yêu cầu. Tháng 02/2015, chị Vân đã lấy đi 1,2 cây làm việc gì tôi không rõ, còn lại 02 (hai) cây khi mua nhà tại 70 Nguyên Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum tôi bán tại hiệu vàng Mỹ T được 67.000.000 đồng (*sáu mươi bảy triệu đồng*) để trả tiền mua nhà. Vì vậy, số vàng này hiện nay không còn.Tôi không yêu cầu số vàng 1,2 cây hiện nay chị V đang giữ.

3/ Số tiền 90.000.000 đồng: Tôi công nhận vợ chồng có số tiền tiết kiệm này nhưng ngày 18/8/2016 tôi đã rút ra để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình và một phần chi phí đi lại trong việc chuyển công tác của tôi từ huyện Phù C, tỉnh Bình Định lên thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Việc tôi sử dụng số tiền này, chị V cũng biết. Vì vậy số tiền này hiện nay không còn.

4/Các tài sản khác: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp 18VF4; 01 máy giặt nhãn hiệu Aqua S-90, loại 09 kilôgam; 01 giường gỗ tạp, rộng 1,6 mét; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, màu đỏ và 01 bếp gas nhãn hiệu Watachi;Vòm tôn sân trước, cổng và mái tôn phía sau:

Cuối tháng 8/2016, tôi lên Kon Tum để chuẩn bị nhận công tác. Khi đó, vợ chồng tôi chỉ còn duy nhất 02 (hai) cây vàng, không có tiền mặt. Tôi có thuê phòng trọ nhưng bất tiện trong sinh hoạt nên chị Nguyễn Thị Thu H (chị gái tôi) có mua 01 bếp gas, 01 tủ lạnh, 01 nồi cơm điện mang đến để tôi sử dụng. Tháng 11/2016, vợ chồng tôi mua nhà tại 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum với giá 490.000.000 đồng. Do không có tiền nên chị H và anh T cho vay 430.000.000 đồng; tôi bán 02 (hai) cây vàng được 67.000.000 đồng (gồm lắc tay, kiềng cổ, nhẫn) đưa cho chị H 60.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, vợ chồng tôi thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Kon T vay được 360.000.000 đồng trả cho chị H và còn nợ lại 70.000.000 đồng. Do căn nhà mới mua chỉ có một phòng kho, không có phòng ngủ, không có bếp nên vợ chồng tôi đã xây mới gian bếp, sửa gian trên làm phòng ngủ và phòng khách, làm vòm tôn phía trước, cổng và vòm tôn phía sau. Khi sửa nhà, vợ chồng anh Võ Hải V và chị Nguyễn Thị Thùy Tr (Tr là em gái tôi) tự bỏ tiền ra mua tôn, sắt để làm cổng, mái vòm phía trước và mang tôn, sắt cũ từ nhà sang làm vòm phía sau. Chị H tiếp tục bỏ tiền mua giường, tủ quần áo, bàn ghế, máy giặt. Toàn bộ các tài sản trên chị Hồng, anh V, chị Tr chưa nói cho vợ chồng tôi. Nay vợ chồng tôi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết trả lại các tài sản cho chị H, anh V và chị Tr.

6/ Trần thạch cao: Khi xây mới gian bếp và sửa gian trên, tôi hợp đồng với anh Trần Quốc B trọn gói (bao gồm toàn bộ vật liệu và công) là 84.675.000 đồng, đã trả được 20.875.000 đồng, còn nợ lại 63.800.000 đồng. Khi vợ chồng ly hôn, tôi đã đồng ý cho anh B đến tháo dỡ toàn bộ diện tích 74.64m^2 trần thạch cao (giá trị 4.000.000 đồng) mang đi. Như vậy, vợ chồng tôi còn nợ anh B 59.800.000 đồng. Ngoài ra, anh Lê Văn Ng làm gia công mái vòm, cổng là 12.785.000 đồng, đã trả được 2.785.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Hiện nay, anh B đã cho lại tôi toàn bộ số thạch cao này và đang ở nhà tôi. Vì vậy, tôi đồng ý trần thạch cao là tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ: Chị Vân yêu cầu phản tố hai khoản nợ của chị Huỳnh Thị Thu G, trong đó: Ngày 26/5/2014: 12.000.000 đồng và ngày 06/7/2016: 10.000.000 đồng. Chị V cho rằng mục đích vay là để vợ chồng đi khám bệnh vào các ngày từ 09 đến 12/6/2014 và ngày 14/7/2016, tôi không đồng ý, vì cả hai lần đi khám bệnh vợ chồng tôi đều có tiền dành dụm được.

Tôi chỉ chấp nhận các khoản nợ chung, gồm:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T số tiền tổng cộng là 382.642.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2017 đến ngày 28/9/2017 là 22.642.000 đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T số tiền 70.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ ông Trần Quốc B 59.800.000 đồng và khoản nợ anh Lê Văn Ng 10.000.000 đồng, tôi xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết vì trong giấy nợ tiền không có chữ ký của chị V.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 22/3/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Phan Thị Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, tôi đồng ý như anh Trung trình bày. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn là không đúng. Thực tế, khi sống ở Bình Định, vợ chồng tôi rất hạnh phúc nhưng khi chuyển lên Kon T, anh Tr thay đổi tính nết, thường xuyên uống rượu về gây sự với tôi. Ngày 10/02/2017, anh Trung tiếp tục uống rượu say về nhà gây sự và đánh đập tôi. Do không có người thân quen và quá hoảng sợ nên tôi đã bỏ về quê sinh sống. Nay anh Tr yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 524085, ngày 29/11/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp mang tên Nguyễn Bá Tr và Phan Thị Hồng V, trị giá 518.183.000 đồng.

- Các tài sản khác tôi yêu cầu phản tố vào ngày 30/5/2017, gồm có:

1/ 01 xe mô tô Excier, biển số 82B1-302.09 đứng tên anh Võ Hải Đ: Tháng 01/2016 vợ chồng tôi mua chiếc xe này thông qua anh Võ Hải V, vợ chồng tôi chỉ biết giấy tờ xe mang tên Võ Hải Đ, với giá 40.000.000 đồng, mua trả góp làm nhiều lần. Khi mua xe, vì tin tưởng anh Võ Hải V (là em rể anh Tr) nên không viết giấy tờ gì, đến nay cũng chưa làm thủ tục sang tên.Vợ chồng tôi không biết anh Đ. Anh V là người trực tiếp mang xe từ Kon T về giao cho vợ chồng tôi và cũng là người nhận tiền từ các lần tôi gửi trả tiền xe cho anh Đ. Bố mẹ chồng tôi là ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Ch có biết việc mua bán chiếc xe này.

2/ 2,2 cây vàng 9T8: Khi cưới, nhà trai không tổ chức đám cưới nên có cho 01 (một) cây vàng; anh em, bạn bè cho 02 chỉ; nhà gái tổ chức đám cưới xong cho khoảng 24 đến 25.000.000 đồng vợ chồng tôi thêm vào mua được 01 cây (một cây). Tất cả đều là vàng 9T8, anh Tr giữ toàn bộ số vàng này.

3/ Số tiền 90.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phù C, tỉnh Bình Định do anh Tr trực tiếp đi gửi và đứng tên.

4/ 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp 18VF4, loại 180 lít; 01 máy giặt nhãn hiệu Aqua S-90, loại 09 kilôgam; 01 giường gỗ tạp, dài 02 mét, rộng 1,6 mét; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, màu đỏ; 01 bếp gas nhãn hiệu Watachi. Tất cả các tài sản này tôi nhờ chị Nguyễn Thị Thùy Tr (em gái anh Tr) cùng đi mua, khi xe chở đến nhà thì tôi trực tiếp trả tiền.

5/ Vòm sân trước; vòm phía sau; cổng sắt 04 cánh: Khi sửa nhà, do vợ chồng mới lên Kon T, không quen biết ai nên tôi có đưa cho chị Tr (vợ anh V) số tiền khoảng 70.000.000 đồng để nhờ vợ chồng chị Tr đi mua toàn bộ vật liệu. Vì vậy, các hóa đơn mua hàng tôi không giữ.

6/ Trần thạch cao: Toàn bộ diện tích thạch cao 74,64m^2 đều là tiền do vợ chồng tôi bỏ ra mua, tiền công thợ trả theo công nhật, không khoán trọn gói cho anh B.

Tổng giá trị tài sản tôi yêu cầu phản tố là: 270.130.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon T).

Về nợ chung: Gồm có:

- Nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum 360.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 3/2017 đến nay.

- Nợ chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T số tiền 70.000.000 đồng.

- Nợ chị Huỳnh Thị Thu G số tiền 22.000.000 đồng tôi vay để vợ chồng đi chữa bệnh từ ngày 09 đến ngày 12/6/2014 và ngày 14/7/2016.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 22/3/2017 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T trình bày:

Ngày 02/12/2016, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum và vợ chồng anh Nguyễn Bá Tr - chị Phan Thị Hồng V ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 5510/2016/5704939/HĐ. Theo đó, anh Tr, chị V vay số tiền 360.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (kể từ ngày 02/12/2016 đến ngày 01/11/2017). Lãi suất cho vay thỏa thuận, thả nổi điều chỉnh định kỳ vào ngày 01/4/2017, 01/7/2017 và 01/10/2017; lãi suất cho vay ưu đãi từ ngày 02/12/2016 đến ngày 31/3/2017 là 9,4%; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày xét xử (ngày 28/9/2017), anh Trung và chị V còn nợ Ngân

hàng số tiền tổng cộng là 382.642.000 đồng, trong đó, 360.000.000 đồng tiền gốc và 22.642.000 đồng tiền lãi.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, cũng trong ngày 02/12/2016, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T và anh Nguyễn Bá Tr, chị Phan Thị Hồng V tiếp tục ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/5704939/HĐBĐ ngày 02/12/2016. Theo đó, anh Tr và chị V đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 396m^2, thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 75, địa chỉ số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 524085, số vào sổ cấp GCN: CH04443 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 29/11/2016 mang tên Nguyễn Bá Tr và Phan Thị Hồng V.

Nay anh Tr và chị V ly hôn, Ngân hàng yêu cầu nếu ai nhận tài sản thế chấp thì có trách nhiệm trả nợ. Trường hợp người có trách nhiệm trả nợ không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại văn bản đề ngày 14/6/2017 và trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hải Đ trình bày:

Tôi và gia đình anh Nguyễn Bá Tr là thông gia (em trai tôi lấy em gái anh Tr) nên tôi và anh Tr thân nhau. Khi biết anh Tr không có xe đi làm nên tôi đã cho anh Tr mượn chiếc mô tô biển số 82B1-302.09. Ngày 20/4/2017 anh Tr đã trả lại xe cho tôi nên tôi không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại văn bản đề ngày 12/7/2017 và trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tô Kim Ng trình bày:

Tôi là vợ anh Võ Hải Đ, người đã cho anh Võ Hải V mượn xe mô tô biển số 82B1-302.09. Sau đó, anh V thấy anh Nguyễn Bá Tr không có xe đi dạy nên cho anh Tr mượn lại chiếc xe này. Hai bên không hề mua bán trao đổi, chỉ có quan hệ cho mượn xe. Nay vợ chồng anh Tr ly hôn, anh Tr đã trả lại xe cho anh Đ nên tôi không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại văn bản đề ngày 15/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc B trình bày:

Tôi có nhận gia công cho anh Nguyễn Bá Tr 01 căn bếp (hợp đồng xây dựng bao gồm cả vật liệu và công), có diện tích 24m^2 × 3.200.000 đồng/m^2 = 76.800.000 đồng. Tôi thực hiện quét vôi nhà khách, xây 02 bức tường ngăn làm phòng ngủ, trần thạch cao nhà bếp (giá tiền là 1.500.000 đồng), trần thạch cao nhà trên với diện tích 10,5m × 5m = 52,5m^2 × 150.000 đồng/m^2 = 7.875.000 đồng (tiền thạch cao nhà trên là 2.500.000 đồng). Tổng cộng, anh Tr phải trả cho tôi số tiền là 84.675.000 đồng. Anh Tr đã trả cho tôi 20.875.000 đồng, còn nợ số tiền

63.800.000 đồng. Anh Tr hẹn 03 tháng sau sẽ trả cho tôi số tiền này. Đến hẹn, anh Tr không trả tiền nên anh đồng ý cho tôi tháo gỡ thạch cao miếng ở nhà bếp, nhà trên (giá trị 4.000.000 đồng) để trừ nợ. Như vậy, anh Tr còn nợ tôi tổng cộng 59.800.000 đồng. Nay vợ chồng anh Tr ly hôn tôi đề nghị anh Tr, chị V trả cho tôi số tiền này.

Tại bản tự khai đề ngày 28/3/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thu G trình bày:

Vào ngày 26/5/2014, chị Phan Thị Hồng V có vay của tôi số tiền là 12.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2016, chị V vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng cộng, chị V đã vay tôi 22.000.000 đồng, mục đích vay là để vợ chồng đi khám chữa bệnh. Nay vợ chồng chị V ly hôn, tôi yêu cầu anh chị trả cho tôi số tiền trên.

Tại văn bản đề ngày 12/6/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hải V trình bày:

Vợ chồng anh Tr chuyển lên Kon T lập nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, phải thuê nhà ở chật chội. Anh chị em trong nhà bàn với anh Tr mua căn nhà nhỏ để ở, sau đó thế chấp vay Ngân hàng trả dần. Vợ chồng anh Tr khi đó nói rằng chỉ còn lại 02 (hai) cây vàng. Anh Tr mua căn nhà số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T với giá 490.000.000 đồng. Khi mua, anh Tr, chị V vay của vợ chồng chị H (chị gái anh Tr) 430.000.000 đồng và 60.000.000 đồng anh Tr bán vàng. Sau đó, tôi là người đi làm giấy tờ sang tên cho vợ chồng chị V. Anh Tr và chị V làm thủ tục vay vốn, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T vay được 360.000.000 đồng trả lại chị H, anh T và còn nợ lại 70.000.000 đồng. Do căn nhà chỉ có 01 gian, không có phòng ngủ, không có bếp ăn, không có mái che phía trước nên anh Tr có bàn với anh chị em trong nhà là muốn sửa lại nhưng không có tiền. Tôi nói rằng: *"Anh cứ làm đi, em gọi thợ làm rồi trả nợ sau cũng được"*. Sau đó, tôi gọi anh B đến ký hợp đồng với anh Tr để làm gian bếp và sửa gian trên. Anh T (anh rể của anh Tr) gọi anh Ng đến gia công mái vòm, cổng. Toàn bộ tiền mua tôn, sắt để làm vòm sân trước (diện tích 8,5m × 5m), cổng (rộng 4,8m × cao 2,4m) đều là tiền của vợ chồng tôi bỏ ra mua (không nói là cho), các chứng cứ tôi đã nộp cho Tòa án. Riêng vòm phía sau (rộng 5m × 2m) là tôn, sắt của nhà tôi mang sang để làm. Vợ chồng anh Tr chỉ trả tiền công cho anh Ng. Nay vợ chồng anh Tr khởi kiện xin ly hôn tôi đề nghị, nếu vợ chồng anh Tr đoàn tụ sống hạnh phúc thì tôi sẽ cho các tài sản trên, nếu ly hôn thì phải trả lại cho tôi các tài sản tôi đã mua. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 82B1-302.09 của anh Võ Hải Đ, sau khi anh Đăng đồng ý cho anh Tr mượn xe thì tôi đã mang về cho anh Tr. Hoàn toàn không có việc mua bán và cũng không có việc chị V đưa tiền cho tôi trả cho anh Đ.

Trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của anh Võ Hải V. Ngoài ra, tôi không hề đi mua cùng chị V bất cứ tài sản nào, tôi cũng không nhận của chị V khoản tiền nào. Tôi có đi cùng với chị Nguyễn Thị Thu H và chị H là người trực tiếp mua, trả tiền các tài sản như giường, tủ quần áo, bàn ghế, tủ lạnh, bếp gas, máy giặt.

Tại văn bản đề ngày 22/3/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Vợ chồng anh Tr, chị V khi chuyển lên Kon Tum không có chỗ ở nên có mượn của vợ chồng tôi 430.000.000 đồng để mua nhà. Sau đó, vợ chồng anh Trung sang tên đem vay vốn, thế chấp cho Ngân hàng và trả lại vợ chồng tôi 360.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh Tr, chị V ly hôn, tôi đề nghị trả lại cho vợ chồng tôi số tiền này.

Đối với các tài sản gồm có: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp gas, tôi mua khi anh Trung lên Kon Tum ở trọ một mình; còn các tài sản như: 01 bộ bàn ghế, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, tôi mua sau khi anh Trung sửa nhà xong (chưa nói là cho). Nay vợ chồng anh Tr khởi kiện xin ly hôn tôi đề nghị, nếu vợ chồng anh Tr đoàn tụ sống hạnh phúc thì tôi sẽ cho các tài sản trên, nếu ly hôn thì phải trả lại cho tôi các tài sản tôi đã mua. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại văn bản đề ngày 13/6/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Sĩ T trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của chị Nguyễn Thị Thu H.

Tại bản tự khai đề ngày 16/6/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng trình bày:

Do quen biết với anh Lê Sĩ T nên tôi nhận gia công làm mái vòm bằng sắt và tôn, cổng sắt cho vợ chồng anh Tr, chị V với số tiền tổng cộng là 12.785.000 đồng. Cụ thể như sau: Diện tích mái vòm trước 8,5m × 5m = 42,5m^2 × 170.000 đồng/m^2 = 7.225.000 đồng; 01 bộ cửa 04 cánh 2,4m × 5m = 12m^2 × 300.000 đồng/m^2 = 3.600.000 đồng; khung sắt bảo vệ phía trên cổng 5m × 1,6m = 8m^2 × 170.000 đồng/m^2 = 1.360.000 đồng; công ráp vòm sắt phía sau 600.000 đồng. Khi thỏa thuận, hai bên không làm hợp đồng. Sau khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành đo thực tế rồi tính tiền. Anh Tr đã trả cho tôi số tiền là 2.785.000 đồng. Nay anh Tr, chị V ly hôn, tôi yêu cầu anh chị trả cho tôi số tiền là 10.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 16/8/2017, người làm chứng anh Phạm Văn Ch trình bày:

Tôi có làm công cho anh Lê Văn Ng 01 mái tôn và cổng với 15 công. Anh Ng đã trả cho tôi 3.000.000 đồng, còn nợ 1.500.000 đồng. Đây là số tiền giữa tôi với anh Nguyên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình làm, chỉ có tôi và anh Ng làm, không có ai khác.

Tại văn bản đề ngày 16/5/2017, người làm chứng bà Quách Thị Tr trình bày:

Tôi là người bán căn nhà và đất tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T có diện tích 396m^2 cho anh Tr, chị V. Khi bán, trên đất có 01 phòng kho (rộng 5m, dài 10,5m), chưa có vách ngăn làm phòng buồng. Trong nhà không có trần thạch cao, trước nhà không có mái vòm, không có cửa ngõ; sau nhà không có mái vòm.

Tại văn bản đề ngày 10/8/2017 và trong quá trình giải quyết, người làm chứng ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Con trai chúng tôi là anh Nguyễn Bá Tr có đi chiếc xe Exciter. Khi chúng tôi hỏi thì anh Tr nói là xe mượn. Chúng tôi chỉ nghe anh Tr nói vậy và không biết gì thêm.

***Tại phiên tòa hôm nay,** anh Nguyễn Bá Tr có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là: Rút yêu cầu khoản tiền nợ ông Trần Quốc B 59.800.000 đồng và khoản tiền nợ anh Lê Văn Ng 10.000.000 đồng. Anh B và anh Ng đồng ý việc anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết hai khoản nợ này; các đương sự khác không ai có ý kiến gì. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của anh Nguyễn Bá Tr là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về hai khoản nợ của anh Trần Quốc B và anh Lê Văn Ng.

Tài sản và các khoản nợ khác đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, 55, 59, 60 và 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Bá Tr; chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố của bị đơn chị Phan Thị Hồng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận – thuận tình ly hôn của giữa anh Nguyễn Bá Tr và chị Phan Thị Hồng V.

- Về tài sản chung: Chấp nhận các yêu cầu sau:

+ 01 căn nhà và đất tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T trị giá 518.183.000 đồng;

+ Các tài sản khác: 01 tủ lạnh trị giá 3.624.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 4.665.000 đồng; 01 giường gỗ tạp trị giá 2.410.000 đồng; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn trị giá 1.020.000 đồng; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, màu đỏ trị giá 2.596.000 đồng; 01 bếp gas trị giá 666.000 đồng; vòm sân trước trị giá 26.491.000 đồng; cổng sắt 04 cánh trị giá 6.859.000 đồng; vòm phía sau trị giá 4.739.000 đồng; Trần thạch cao trị giá 19.450.000 đồng. Cộng: 72.520.000 đồng.

Tổng cộng là 590.703.000 đồng : 2 = 295.351.500 đồng/người.

+ Không chấp nhận các yêu cầu sau: 01 xe mô tô trị giá 33.919.000 đồng; số tiền 90.000.000 đồng; 2,2 cây vàng (9T8) trị giá 73.700.000 đồng. Tổng cộng là 197.619.000 đồng.

- Về nợ chung: Chấp nhận các khoản nợ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T: 382.642.000 đồng (trong đó, 360.000.000 đồng tiền gốc và 22.642.000 đồng tiền lãi);Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T: 70.000.000 đồng và nợ chị Huỳnh Thị Thu G: 22.000.000 đồng. Tổng cộng: 474.642.000 đồng : 2 = 237.321.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao căn nhà số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cho anh Nguyễn Bá Tr quản lý, sở hữu và sử dụng. Anh Trung có nghĩa vụ trả các khoản nợ nêu trên và hoàn trả cho chị Vân khoản tiền chênh lệch từ việc chia giá trị tài sản chung.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Bá Tr tự nguyện chịu 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17/5/2017; chị Phan Thị Hồng V tự nguyện chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29/6/2017. Các đương sự đã nộp đủ chi phí nên không phải nộp tiếp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân thành phố KonTum thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Bá Tr và chị Phan Thị Hồng V tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định vào ngày 06/11/2013 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị V là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh Tr trình bày là: *"do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng về tài chính"*. Trong khi đó, chị V khai rằng: *"anh Tr thường xuyên uống rượu say về nhà gây sự đánh đập chị, quá bức xúc nên chị bỏ về quê sinh sống cùng cha mẹ tại xã Cát H, huyện Phù C, tỉnh Bình Định"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Tr và chị V không thống nhất đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh chị đều khẳng định không còn tình cảm, mỗi người hiện sống một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh Tr và chị V đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận - thuận tình ly hôn của anh chị.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận - thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá Tr và chị Phan Thị Hồng V.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung:

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: **788.322.000 đồng**. Trong đó:

- Nguyên đơn yêu cầu: 01 căn nhà và đất tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, trị giá **518.183.000 đồng.**

- Bị đơn yêu cầu phản tố các tài sản, gồm: 01 xe mô tô Excier, biển số 82B1-302.09 đứng tên anh Võ Hải Đ, trị giá: 33.919.000 đồng; 2,2 cây vàng 9T8, trị giá: 73.700.000 đồng; số tiền 90.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phù C, tỉnh Bình Định; 01 tủ lạnh, trị giá 3.624.000 đồng; 01 máy giặt, trị giá: 4.665.000 đồng; 01 giường gỗ tạp, trị giá: 2.410.000 đồng; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn, trị giá: 1.020.000 đồng; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, màu đỏ, trị giá: 2.596.000 đồng; 01 bếp gas, trị giá: 666.000 đồng; vòm sân trước, trị giá: 26.491.000 đồng; vòm phía sau, trị giá 4.739.000 đồng; Cổng sắt 04 cánh, trị giá 6.859.000 đồng và trần thạch cao, trị giá 19.450.000 đồng. Tổng trị giá: **270.139.000 đồng.**

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với tài sản nguyên đơn yêu cầu là căn nhà và đất tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 524085, ngày 29/11/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon T cấp mang tên Nguyễn Bá Tr và Phan Thị Hồng V nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Trị giá nhà và đất là **518.183.000 đồng** (theo biên bản định giá tài sản ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum).

- Đối với các tài sản bị đơn yêu cầu phản tố gồm:

1/ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Excier, biển số 82B1-302.09, mang tên anh Võ Hải Đ, trị giá: 33.919.000 đồng.

Chị Vân khai rằng: Vợ chồng mua xe của anh Võ Hải Đ sống tại Kon Tum vào khoảng tháng 01/2016 dương lịch, với giá 40.000.000 đồng và trả tiền làm nhiều lần. Khi mua xe, hai bên không viết giấy tờ, mọi việc mua bán đều thông qua anh Võ Hải V (em trai anh Đ), vợ chồng chị không biết anh Đ. Anh V cũng là người trực tiếp mang xe từ Kon T về giao cho vợ chồng chị và cũng là người nhận tiền từ các lần chị gửi trả tiền xe cho anh Đ. Bố mẹ anh Trung là ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Ch đều biết việc mua bán chiếc xe này. Anh Tr khai rằng: Vợ chồng anh không mua xe của anh Đ mà là do chỗ thân quen nên anh Đ đã cho anh mượn chiếc xe này từ tháng 6/2015.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Võ Hải Đ khẳng định anh chỉ cho vợ chồng anh Tr, chị V mượn xe, không có việc mua bán. Vợ anh Đ là chị Tô Kim Ng có cùng ý kiến như anh Đ (BL số 55). Anh V không thừa nhận việc chị V gửi trả tiền xe cho anh Đ. Chị V không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc gửi trả tiền xe, cũng như chứng cứ thể hiện chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị V về chiếc xe này không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Tr đã trả chiếc xe này cho anh Võ Hải Đ (biên bản trả xe vào ngày 20/4/2017) là đúng theo quy định của pháp luật.

2/ 2,2 cây vàng, trị giá **73.700.000 đồng** và số tiền **90.000.000 đồng:**

Anh Tr khai rằng: Tháng 9/2017, vợ chồng anh chuyển lên Kon T chỉ còn lại 2,2 cây vàng. Ngày 31/10/2016, anh bán số vàng trên được 67.000.000 đồng để

mua nhà tại số 70 Nguyễn Huy L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum vào ngày 02/11/2016. Đối với số tiền 90.000.000 đồng, anh đã rút vào ngày 18/8/2016 để lo chi tiêu trong gia đình và chi phí cho việc chuyển công tác từ Bình Định lên Kon T. Chị V khai rằng: Anh Tr bán vàng, rút tiền tiết kiệm và chuyển công tác chị hoàn toàn không biết, khi anh Trung mang quyết định về nhà thì chị mới biết.

Xét thấy: Chứng cứ anh Tr đã cung cấp là 01 hoá đơn bảo đảm tại tiệm vàng Mỹ T (Thôn Chánh D, xã Cát T, huyện Phù C, tỉnh Bình Định). Toà án đã tiến hành xác minh, chủ tiệm vàng ông Nguyễn Bá T xác nhận: *"Ngày 31/10/2016, hiệu vàng Mỹ Tiến có mua của anh Nguyễn Bá T tổng số vàng là 02 cây (đều là vàng 9T8), trong đó gồm lắc tay, kiềng cổ và nhẫn, tổng số tiền là 67.000.000 đồng"* (BL số 148). Tại phiên toà, chị V khai rằng tiền mua nhà là vay của chị H, anh T và tiền của vợ chồng dành dụm được chứ không phải tiền bán vàng. Tuy nhiên, chị không xác định được cụ thể số tiền vay của chị H, anh T và không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền anh chị dành dụm được để mua nhà. Mặt khác, sau khi tạo dựng căn nhà, đến tháng 02/2017, anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị làm đơn khởi kiện *"xin ly hôn"* anh Tr, trong đơn khởi kiện chị không yêu cầu Toà án giải quyết số tiền 90.000.000 đồng và 2,2 cây vàng (BL số 05), điều này chứng tỏ chị biết rõ hai khoản tiền, vàng này đến thời điểm chị khởi kiện xin ly hôn anh Tr là không còn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị V không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị về khoản tiền, vàng là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

3/ Các tài sản khác, gồm có: 01 tủ lạnh, trị giá 3.624.000 đồng; 01 máy giặt, trị giá 4.665.000 đồng; 01 giường gỗ tạp, trị giá 2.410.000 đồng; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn, trị giá 1.020.000 đồng; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, màu đỏ, trị giá 2.596.000 đồng; 01 bếp gas, trị giá 666.000 đồng; vòm sân trước, trị giá 26.491.000 đồng; vòm phía sau, trị giá 4.739.000 đồng và cổng sắt, trị giá 6.859.000 đồng.

Anh Tr khai rằng: Vợ chồng anh Võ Hải V và chị Nguyễn Thị Thùy Tr bỏ tiền mua tôn, sắt làm vòm phía trước và cổng, đồng thời mang tôn, sắt của nhà anh V sang làm mái che phía sau nhà; chị H mua giường, tủ, máy giặt, tủ lạnh, bàn ghế, bếp ga. Chị V khai rằng: Khi sửa nhà, do vợ chồng mới lên Kon Tum chưa biết giá cả nên chị có đưa cho chị Nguyễn Thị Thùy Tr số tiền khoảng 60 đến 70.000.000 đồng để nhờ mua vật liệu, vì vậy, chị không có chứng cứ gì.

Xét thấy: Chứng cứ anh Võ Hải V cung cấp là 03 hóa đơn mua hàng của Công ty Đông Anh và 02 hóa đơn mua hàng của Nhà máy tôn Long Phát (BL số 110, 111, 112, 113, 114). Chị Hcung cấp 05 hóa đơn mua hàng (BL số 101, 102, 103, 104, 105). Tuy nhiên, các hóa đơn này hầu hết là không có chữ ký của người mua và người bán. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Tr, chị H, anh V và chị Tr không cung cấp được chứng cứ gì thể hiện trước khi

sửa nhà *có sự thống nhất* việc chị H, anh V, chị Tr bỏ tiền mua các tài sản trên; cũng không có chứng cứ gì thể hiện sau khi hoàn thiện căn nhà, giữa chị H, anh V, chị Tr và vợ chồng anh Tr, chị V *thống nhất như thế nào* về các tài sản chị H và vợ chồng anh V đã mua. Mặt khác, khi vợ chồng anh Tr xảy ra mâu thuẫn, chị H chỉ yêu cầu chị V xác nhận số nợ 70.000.000 đồng, không đề cập đến các tài sản chị đã mua. Anh Tr làm đơn khởi kiện *"xin ly hôn"* cũng không yêu cầu chị V trả lại các tài sản trên cho chị H, anh V và chị Tr. Điều này cho thấy các chứng cứ anh V, chị H cung cấp là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu của chị V được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng mái vòm phía sau, anh Tr cho rằng: tôn và sắt là của nhà anh V mang sang làm. Chị V khai rằng, mái tôn phía sau là tận dụng mái che phía trước của nhà cũ. Tòa án đã tiến hành xác minh người bán nhà là bà Quách Thị Tr, bà Tr khẳng định: *Khi bán nhà, phía trước sân không có mái tôn (*BL số 23*)*. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tôn và sắt cũ phía sau là thuộc tài sản của vợ chồng anh Võ Hải V và chị Nguyễn Thị Thùy Tr. Do đó yêu cầu của chị V về mái che phía sau không được chấp nhận. Anh Tr đã trả lại cho anh V và chị Tr tài sản này vào ngày 20/4/2017 là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung:

Hai khoản nợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T số tiền tổng cộng là 382.642.000 đồng (trong đó tiền gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2017 đến ngày 28/9/2017 là 22.642.000 đồng); chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T số tiền 70.000.000 đồng. Anh Tr và chị V thống nhất.

Riêng khoản vay 12.000.000 đồng, ngày 26/5/2014 và 10.000.000 đồng, ngày 26/5/2016 của chị Huỳnh Thị Thu G: Anh Tr cho rằng hai khoản tiền này chị V vay vào mục đích gì anh không biết. Hai lần đi khám bệnh, vợ chồng anh đều có tiền. Trong khi đó, chị V cho rằng, mỗi lần đi khám bệnh, anh Tr thường báo đột xuất nên chị phải vay tiền chị G.

Xét thấy: Tuy anh Tr không ký tên trong hợp đồng vay tiền nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản đề ngày 22/3/2017 (BL số 63), anh Tr đã công nhận hai khoản tiền này. Mặt khác, anh Tr cho rằng khi đi khám bệnh, vợ chồng anh đều có tiền nhưng anh không chứng minh khoản tiền vợ chồng anh có tại thời điểm chị V vay tiền của chị G và các ngày vợ chồng anh đi khám chữa bệnh. Đối chiếu thời gian chị V vay tiền với thời gian anh chị đi khám chữa bệnh và chi phí cho việc khám chữa bệnh từ ngày 09 đến ngày 12/6/2014 và ngày 14/7/2016, có cơ sở khẳng định chị V đã vay và sử dụng số tiền này để vợ chồng đi khám chữa bệnh. Do đó, yêu cầu của chị V được chấp nhận.

[6] Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 27, 30, 33, 55, 57, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá Tr về việc tranh chấp *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung"*và chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố về việc tranh chấp *"chia tài sản khi ly hôn và nợ chung"* của bị đơn chị Phan Thị Hồng V.

- Về tài sản chung được Hội đồng xét xử chấp nhận, gồm:

+ Căn nhà và đất, trị giá 518.183.000 đồng.

+ Các tài sản khác, trị giá 67.781.000 đồng.

Tổng cộng là 585.964.000 đồng. Khối tài sản này, anh Tr và chị V cùng nhau tạo lập từ tháng 11/2016. Do đó, công sức đóng góp tạo dựng khối tài sản là ngang nhau nên được chia đôi, mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản (585.964.000 đồng : 2) = 292.982.000 đồng/người.

- Về nợ chung được Hội đồng xét xử chấp nhận, gồm:

+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T: 382.642.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2017 đến ngày 28/9/2017 là 22.642.000 đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T: 70.000.000 đồng.

+ Chị Huỳnh Thị Thu G: 22.000.000 đồng.

Tổng cộng: 474.642.000 đồng. Đây là các khoản nợ chung nên anh Tr, chị V có nghĩa vụ trả nợ ngang nhau (474.642.000 đồng : 2) = 237.321.000 đồng/người.

Hiện nay, anh Nguyễn Bá Tr đã chuyển công tác và sinh sống tại thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Chị V đã chuyển về huyện Phù C, tỉnh Bình Định sinh sống. Để tạo điều kiện cho chị V và anh Tr ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao căn nhà và đất cho anh Nguyễn Bá Tr quản lý, sở hữu và sử dụng.

Anh Nguyễn Bá Tr có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T; chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T; chị Huỳnh Thị Thu G. Anh Nguyễn Bá Tr có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền chênh lệch từ giá trị chia tài sản chung cho chị Phan Thị Hồng V là (585.964.000 đồng – 474.642.000 đồng) = 111.322.000 đồng : 2 = 55.661.000 đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh Nguyễn Bá Tr tự nguyện chịu 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17/5/2017; chị Phan Thị Hồng V tự nguyện chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29/6/2017. Các đương sự đã nộp đủ chi phí nên không phải nộp tiếp.

[8] Về án phí: Chị V và anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 200; khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và giải quyết nợ chung"* của anh Nguyễn Bá Tr, đơn đề ngày 07/3/2017.

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố về việc *"tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và giải quyết nợ chung"* của chị Phan Thị Hồng V, đơn đề ngày 30/5/2017.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá Tr đối với hai khoản nợ của ông Trần Quốc B và anh Lê Văn Ng.

Áp dụng các Điều 27, 30, 33, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, các Điều 59, 60 và 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận – thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá Tr và chị Phan Thị Hồng V.

2. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Nguyễn Bá Tr 01 căn nhà cấp 4, trên diện tích đất 396m^2, thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 75, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 524085, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 04443 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Kon T cấp ngày 29/11/2016 mang tên Nguyễn Bá Tr và Phan Thị Hồng V, trị giá: 518.183.000 đồng. Địa chỉ nhà, đất tại số 70 đường Nguyễn Huy L, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 12, dài 78,7 mét;

Phía Tây giáp thửa đất số 13, dài 79,8 mét;

Phía Nam giáp đường Nguyễn Huy L, dài 05 mét;

Phía Bắc giáp thửa đất số 11, dài 05 mét.

- Các tài sản khác, gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp, trị giá: 3.624.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu Aqua, trị giá: 4.665.000 đồng; 01 giường gỗ tạp, trị giá: 2.410.000 đồng; 01 tủ đứng sắt 03 ngăn, trị giá: 1.020.000 đồng; 01 bộ bàn ghế nệm 06 món, trị giá: 2.596.000 đồng; 01 bếp gas hiệu Watashi, trị giá: 666.000 đồng; vòm sân trước (dài 8,5m x 5m), khung thép, dàn thép, tôn thường, nền bê

tông, trị giá: 26.491.000 đồng; cổng sắt 04 cánh (rộng 4,8m x cao 2,4m), khung sắt, song sắt, trị giá: 6.859.000 đồng; trần thạch cao, diện tích 74,6m^2, trị giá: 19.450.000 đồng. Cộng: 67.781.000 đồng.

Tổng cộng: **585.964.000 đồng.** Anh Tr có nghĩa vụ trả các khoản nợ, gồm: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon T: 382.642.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 360.000.000 đồng và tiền lãi là 22.642.000 đồng); chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Sĩ T: 70.000.000 đồng và chị Huỳnh Thị Thu G 22.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Bá Tr có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền chênh lệch từ giá trị chia tài sản chung cho chị Phan Thị Hồng V là **55.661.000 đồng.**

3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, khoản 1 Điều 24, Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Bá Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Bá Tr phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia là 13.719.280 đồng; án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 11.492.840 đồng và án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận là 4.489.050 đồng. Tổng cộng án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Bá Tr phải nộp là 30.001.170 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai số 0008092 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon T. Anh Tr còn phải nộp tiếp **22.001.170 đồng.**

Chị Phan Thị Hồng V phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia là 13.719.280 đồng; án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 11.492.840 đồng và án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận là 10.117.900 đồng. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm chị Phan Thị Hồng Vân phải nộp là 35.330.020 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.450.000 đồng theo biên lai số 0008313 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị V còn phải nộp tiếp **30.880.020 đồng.**

4. Về nghĩa vụ thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền cho người được thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi

suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi anh Nguyễn Bá Tr thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án thì anh Tr được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản và thay đổi họ tên về người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/10/2017), các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA